

VỀ SÁCH GIÁO KHOA TIẾNG VIỆT LỚP 1A, 1B CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC CHUYÊN BIỆT DÀNH CHO TRẺ KHIẾM THÍNH CẤP TIỂU HỌC

• TS. LÊ VĂN TẠC

Trung tâm Nghiên cứu Giáo dục Đặc biệt

Đa số trẻ khiếm thính dù có độ điếc sâu (trên 90 dB) nếu được can thiệp sớm, được trang bị máy trợ thính đều có thể phát triển ngôn ngữ nói. Ngôn ngữ nói là phương tiện giao tiếp thông dụng trong cộng đồng xã hội. Nếu làm chủ được phương tiện này, trẻ khiếm thính sẽ có thể giao tiếp bằng lời với mọi người và là cơ sở để có thể nắm bắt tri thức. Hiện tại, ở Việt Nam, hằng năm có hàng chục nghìn trẻ khiếm thính đến độ tuổi học tiểu học. Nhu cầu của bản thân trẻ và mong muốn của phụ huynh muốn con khiếm thính của mình học nói, nói một cách dễ hiểu để có thể giao tiếp được là chính đáng. Mặt khác, một trong những nhiệm vụ của ngành Giáo dục và Đào tạo là tạo điều kiện cho mọi trẻ em phát triển hết khả năng, tiềm năng của mình. Thực hiện nhiệm vụ trên, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam đã tiến hành biên soạn sách giáo khoa Tiếng Việt dành cho học sinh khiếm thính.

Sách nhằm thực hiện mục tiêu kép: Hình thành và phát triển ở học sinh khiếm thính các kĩ năng phát âm tiếng Việt cơ bản, viết, tiếp nhận và biểu đạt thông tin để học tập, giao tiếp trong các môi trường hoạt động của lứa tuổi, phát triển vốn từ ngữ, góp phần rèn luyện các thao tác tư duy, đặc biệt là tư duy ngôn ngữ. Đặc điểm về phát triển ngôn ngữ nói của trẻ khiếm thính và ngữ âm tiếng Việt là cơ sở để biên soạn sách. Việc học nói đối với trẻ khiếm thính là một việc khó khăn vì trẻ không nghe được hoặc nghe không rõ, không đầy đủ. Do vậy, trẻ khó có thể phát ra được âm thanh tiếng nói vốn đòi hỏi sự kết hợp của nhiều bộ phận tham gia vào tạo tiếng nói như: môi, răng, lưỡi, ngạc mềm và luồng hơi thổi ra. Trẻ khiếm thính học nói dựa vào ba tri giác chính sau đây:

Tri giác thính giác (nghe): Đối với những trẻ có độ mất thính lực trên 90 dB, giải tần trẻ còn nghe được có ảnh hưởng lớn đến khả năng phát âm của trẻ. Trẻ điếc ở nhóm 1 (125-250Hz) và nhóm 2 (125-500Hz) vì phần thính lực còn lại rất ít nên nghe chỉ là phương tiện hỗ trợ trong quá

trình tiếp thu tiếng nói. Trẻ điếc ở nhóm 3 (125-1000Hz), nhóm 4 (125-2000Hz) còn có khả năng nghe, phát hiện và phân biệt được hầu hết âm, vẫn trong tiếng Việt, trừ những cặp âm, vẫn gần nhau, nếu được huấn luyện và sử dụng máy trợ thính từ sớm thì nghe sẽ trở thành phương tiện chính để tiếp thu tiếng nói.

Tri giác thị giác (nhìn – đọc hình miệng): Đọc hình miệng là cách tiếp thu (hiểu) tiếng nói qua những chuyển động của cơ quan phát âm (chủ yếu là môi, miệng và lưỡi). Trong khi huấn luyện cấu âm, trẻ điếc thường nhìn vị trí và sự chuyển động cơ quan phát âm sẽ bắt chước lại. Tuy nhiên trong giao tiếp, trẻ sẽ không đọc hình miệng của từng âm, từng từ mà đọc toàn câu, từng cụm từ. Bởi vậy, một yếu tố quan trọng khi đọc hình miệng là ghi nhớ những hình ảnh câu nói. Trẻ càng ghi nhớ được nhiều hình mẫu, kĩ năng đọc hình miệng càng tốt. Trong tiếng Việt, có một số yếu tố ngôn ngữ gây nên những khó khăn cho việc đọc hình miệng như: Đặc điểm đơn âm tiết của tiếng Việt cũng gây không ít khó khăn khi đọc hình miệng, vì sẽ có nhiều trường hợp trùng lặp hình miệng nên khó đoán, ví dụ: Bàn/Bát. Đặc biệt, trong tiếng Việt có 6 thanh điệu đóng vai trò quan trọng trong việc biểu thị ngữ nghĩa của âm tiết, hoàn toàn không thể đọc hình miệng được. Ví dụ, trong những từ sau đây, hình miệng rất giống nhau nhưng nghĩa hoàn toàn khác nhau: Ba/Bà; Bón/Bôn; Chiến/Chiên. Trong hệ thống âm vị tiếng Việt, có những âm dễ đọc nhưng cũng có nhiều âm rất khó đọc hình miệng và nhiều âm không thể đọc hình miệng được: Những âm dễ nhìn thấy: 1/ a, o, ơ; 2/ ô, u, ư; 3/ i. 4/ p, b, m; 5/ ph, v; Những âm khó nhìn thấy: 6/ t, ch, r; 7/ s, x; 8/ n, nh, l; Những âm không thể nhìn thấy: 9/ h, k, g, kh, ng.

Tri giác bằng xúc giác: Trẻ điếc còn nhận biết tiếng nói qua xúc giác - Cảm giác da. Trong khi luyện tập phát âm các âm vị, trẻ có thể cảm nhận được âm phát ra bằng luồng hơi thoát ra từ miệng. Bằng cách để mu bàn tay trước miệng,



trẻ nhận thấy hơi ra nhiều và yếu (khi phát âm a), ngược lại hơi ra thành luồng, hẹp hơn (khi phát âm u),... Ngoài ra, trẻ điếc còn có thể nhận biết các âm qua cảm giác rung của các cơ quan phát âm. Khi phát âm, các âm hữu thanh trẻ sờ tay lên cổ mình thấy rung.

Thực tế đã chứng minh rằng, khi tiếp nhận tiếng nói, trẻ điếc thường sử dụng kết hợp các giác quan nghe-nhìn-sờ. Trên cơ sở đó, trẻ bắt chước phát âm lại.

Sách Tiếng Việt lớp 1 dành cho trẻ khiếm thính bao gồm tất cả 11 nguyên âm đơn, 3 cặp nguyên âm đôi, 23 phụ âm và 146/153 vần của tiếng Việt. Trình tự học phát âm âm và vần của tiếng Việt được bố trí theo những quy tắc cấu trúc âm như sau:

Phần âm: Dạy phát âm được bắt đầu từ nguyên âm a vì a là âm có âm lượng lớn, các cơ quan phát âm hầu như ở trạng thái buông cho nên trẻ điếc dễ nhận biết và dễ bắt chước. Hơn nữa, âm a là nguyên âm trung hòa, hầu hết trẻ điếc có thể nghe được. Những nguyên âm gần nhau (vị trí cấu âm) không học cùng lúc để trẻ dễ phân biệt. Sắp xếp những âm đối lập được học gần nhau. Học xen kẽ nguyên âm và phụ âm để trẻ có cơ hội ghép được thành tiếng có nghĩa, có điều kiện vận dụng và luyện tập. Những phụ âm đứng làm âm cuối được học trước mỗi cách ghép vần.

Phần vần: Học cách phát âm các vần qua một số vần đại diện, là những vần chứa trong những từ ngữ thông dụng, trẻ có nhiều cơ hội nói hàng ngày. Học xen kẽ những vần dễ lẫn: Vần kín (-p) và vần nửa kín (-m),... để trẻ có điều kiện phân biệt đặc điểm giống nhau và khác nhau khi phát âm. Không học cách lập vần như trẻ em bình thường, trẻ điếc chỉ học cách phát âm tổ hợp vần trong tiếng.

Các âm, vần được phân bố thành hai năm học cụ thể như sau:

Sách lớp 1A: Các âm, vần cơ bản và thông dụng: 9 nguyên âm: a, o, ô, u, e, ê, i, ơ, ư; 10 phụ âm: b, m, ph, v, t, n, ng, c, x, h; 7 vần mở thể dài: ai, ôi, ơi, ui, ao, eo, êu; các phụ âm: ch, ng/ng, nh; 8/11 vần thông dụng khép bằng p: ap, up, ip, ôp, êp, op, ep; 8/11 vần khép thông dụng bằng t: at, ôt, ut, it, ôt, ơt, ot, et; 6 vần khép thông dụng bằng c và ch: ac, ach, êch, ich, ôc, oc; 8 vần nửa kín thông dụng khép bằng m: am, um, im, ôm, ơm, em, êm, om; các vần nửa kín thông dụng khép bằng n: an, un, in, ôn, ơn, on, en; các vần nửa kín thông dụng khép bằng ng và nh: ang, ung, ông, ong, inh, anh; thanh điệu: sáu thanh.

Sách lớp 1B: Các nguyên âm đôi và vần: ươ, iê, uô; ia, uy, oe, uê, ươ, ây, au, âu, ưa, oai, ưa, ua, uây, ươu, oeo, oao, uau, uêu, uyu; các phụ âm: đ, d, g/gh, th, tr, s; các vần khép bằng p: p, âp, êp, iêp, ươp, oáp, uyp; khép bằng t: át, ôt, iêt, ưt, yêt, uôt, ươt, oat, oăt, oet, uêt, uyt, uăt, iêt, uyết, uăt; các vần khép bằng c: ác, ác, ưc, iêc, ươc, oác, uôc, oac; khép bằng n: ăn, ân, iên, yên, uyn, oan, ươn, oăn, uân; khép bằng m: âm, âm, iêm, uôm, ươn; các vần ng: ương, ương, iêng, yêng, oăng, uàng, oang; các vần khép bằng nh và ch: uênh, uynh, uêch, oach, ...

Cấu trúc bài học Tiếng Việt bao gồm:

Xác định mục tiêu bài học. Căn cứ vào nội dung học (mức độ khó tiếp nhận và khó bắt chước đối với trẻ điếc), căn cứ vào kĩ năng sử dụng phần thính lực còn lại của trẻ để học phát âm, đồng thời căn cứ vào khả năng phát âm đã có của trẻ để xác định mục tiêu bài học. Mục tiêu kĩ năng cần đạt, được thể hiện ở 3 mức độ sau:

- Mức 1 - Phát âm đúng âm, vần trong từ.

- Mức 2 - Phát âm gần đúng âm, vần trong từ (có thể sai khi phát âm âm, vần đứng riêng). Có tư thế cấu âm nhưng sai phương thức cấu âm, hoặc ngược lại đúng phương thức cấu âm nhưng sai tư thế cấu âm.

- Mức 3 - Âm phát ra có thể chưa đúng nhưng đã biết cách "phát âm phân biệt", trẻ biết cách phân biệt hai âm, vần, tiếng gần nhau. Những trường hợp phát âm không ra tiếng hoặc lẫn sang những âm và vần gần nhưng không được phép. Thí dụ, phát âm từ "cái bàn" thành "cái bài", đều không đạt yêu cầu.

Các hoạt động học tập. Mỗi bài học cho một âm, một vần bao gồm 7 hoạt động và chia thành nhiều tiết học (từ 2 đến 4 tiết, tùy theo từng âm và vần cần học với 30 - 35 phút/tiết).

Hoạt động 1: Khởi động

Thời gian: 3-5 phút tùy theo nhu cầu của từng bài.

Nội dung: Luyện thở và luyện giọng; bài tập khởi động.

Tùy theo nhu cầu của nội dung có thể tiến hành 1, 2 hoặc cả 3 dạng bài tập trên nhằm giúp trẻ có sự chuẩn bị để tiếp thu bài học mới. Những bài tập này được tiến hành dưới dạng trò chơi nhằm gây hứng thú và khởi động những hoạt động cần thiết của cơ quan phát âm trước khi học bài mới, cụ thể như sau:

Luyện thở nhằm hình thành cho trẻ kĩ năng hít vào thật sâu và điều chỉnh luồng hơi thở của mình (thở ra thật mạnh hoặc từ từ). Điều này đặc biệt quan trọng trong tạo âm thanh, vì đây là cơ



sở để học sinh có kĩ năng tạo âm theo các phương thức khác nhau: nguyên âm, phụ âm tắc, phụ âm xát,... Thổi có hai cách, thổi mạnh (đối với những âm bật hơi như p, t, k,...) thổi nhẹ và dài (đối với những âm mũi m, n, ng).

Luyện giọng nhằm giúp trẻ tạo giọng, phát âm với giọng bình thường tiến tới có thể nói với giọng theo ý muốn. Ngữ liệu dùng để luyện giọng bao gồm tất cả những nguyên âm đơn dài. Tuy nhiên, đối với những trẻ phát âm giọng mũi, giọng cao nên chọn những nguyên âm (ô,u,...) để luyện. Cũng như luyện thở, những bài tập luyện giọng nên tổ chức dưới dạng trò chơi và nên thay đổi cho từng tiết học. Thí dụ, bắt chước tiếng kêu của các con vật (gà, chó, lợn, bò,...), hoặc dùng những trò chơi tập thể (bịt mắt bắt dê, vừa chỉ vào hình vừa bắt chước tiếng kêu phát ra từ vật đó,...). Những dạng bài luyện giọng gồm: Phát âm bình thường a, phát âm to hơn bình thường a; phát âm kéo dài thay đổi a___ a___ a___; phát âm liên hơi hai âm kéo dài a___o___; phát âm phối hợp dài – ngắn liên một hơi: a___o

Bài tập khởi động nhằm giúp trẻ chuẩn bị học phát âm vần, bởi vậy chỉ được tiến hành trước những bài học vần mới. Thí dụ, trước khi học vần am, trong phần khởi động nên tiến hành theo trình tự:

- Bước 1. Phát âm kéo dài: a___ m___
- Bước 2. Nối liền hai âm kéo dài: a___m___
- Bước 3. Phát âm liên hơi: a___m

Hoạt động 2: Giới thiệu từ khoá. Bằng những trò chơi, kể chuyện tranh, quan sát tranh ảnh,... để làm xuất hiện từ khoá. Phần này có thể chỉ tiến hành trong 1-2 phút nhưng rất quan trọng đối với trẻ điếc. Trước hết, nó làm cho trẻ tập trung chú ý vào chủ đề sắp được học. Việc thay đổi chú ý đối với trẻ điếc rất khó khăn, trẻ không thể hoạt động tốt nếu không thay đổi được chú ý. Hơn nữa, việc làm xuất hiện từ khoá một cách tự nhiên sẽ làm xuất hiện ở trẻ nhu cầu muốn hiểu và nói đúng từ khoá.

Hoạt động 3: Xây dựng tư thế và cách thức tạo âm các âm vị và vần. Đây là phần quan trọng nhất của bài học và được tiến hành trong khoảng 10 – 15 phút. Mục đích của hoạt động này là hình thành kĩ năng phát âm cho học sinh bao gồm: vị trí của môi, lưỡi, ngạc mềm và phương thức tạo âm: tắc, xát, ồm, vang. Trình tự xây dựng tư thế cấu âm một âm, một vần được tiến hành theo trình tự Tổng – Phân - Hợp sau đây:

Bước 1: Đọc từ khoá theo giáo viên (đọc đồng thanh và cá nhân).

Bước 2: Phân tích từ khoá và tập phát âm. Phân tích đến đơn vị cuối cùng cần học (âm hoặc vần), sau đó trẻ được luyện như sau:

+ Nhận biết âm (vần) bằng nghe: Tìm hình ảnh âm thanh; Nhìn: Hình miệng, vị trí cơ quan phát âm; Sờ: Cảm nhận độ rung khi phát âm (trường hợp có thể).

+ Bắt chước phát âm âm (vần) theo giáo viên. Nếu không đạt hiệu quả, cần tiến hành lặp lại bài tập khởi động. Đối với những trường hợp khó, cần sử dụng các biện pháp đặc thù.

Bước 3: Phát âm lại từ khoá.

Hoạt động 4: Luyện đọc. Trẻ được luyện đọc từ đã học và đọc thêm 2 đến 4 từ mới có dạng tương tự như từ khoá.

Hoạt động 5: Luyện nói. Đây là hoạt động chính của bài, nhằm củng cố cho học sinh cách phát âm âm, vần và từ ngữ mới được xây dựng ở tiết trước, đồng thời phát triển thêm những từ mới chứa âm và vần đã học.

Thời gian tiến hành 10-15 phút.

Cách tiến hành: Tùy theo nội dung có thể tiến hành theo nhiều cách khác nhau. Có thể chia thành từng nhóm nhỏ (3-4 học sinh), cũng có thể tổ chức thảo luận chung cả lớp. Ban đầu, học sinh trao đổi theo câu hỏi hướng dẫn của giáo viên, lâu dần, khi học sinh đã quen với hoạt động, thì để tự các em tìm hiểu. Kết quả cuối cùng là soạn được một câu diễn tả nội dung của tranh được quan sát. Ban đầu, có thể nhờ sự trợ giúp, hướng dẫn của giáo viên. Về sau, nên để tự học sinh soạn. Hoạt động này có tác dụng tích cực, giúp học sinh có cơ hội thực hành phát âm đúng những từ ngữ đã học, đồng thời là môi trường thuận lợi để trẻ phát triển ngôn ngữ qua giao tiếp. Chính vì vậy, trong quá trình dạy trẻ phát âm, giáo viên cố gắng rèn luyện, tập dượt để trẻ sớm có kĩ năng hoạt động nhóm theo chủ đề có sẵn.

Hoạt động 6: Luyện tập củng cố và mở rộng. Hoạt động này nhằm mục đích luyện tập (nói, đọc và viết) các từ ngữ chứa những âm, vần đã học đồng thời phát triển thêm những từ mới. Với nội dung này, giáo viên nên thay đổi các cách hoạt động khác nhau sao cho học sinh tích cực tham gia, thí dụ: Nhìn tranh gọi tên; gọi tên tìm tranh tương ứng; tìm từ ngữ; thực hiện các bài tập nêu trong sách nhằm mục đích tập viết câu từ những bài tập đơn giản: Điền từ vào chỗ trống, hoàn thành câu, đặt câu,...

Hoạt động 7. Ghép âm, từ, tập viết: chữ

(Xem tiếp trang 36)